TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 748/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 316/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy A, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: 406/21 Chiến L, phường Bình Trị Đông 1, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bị đơn: Ông Lê Ngọc D, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: 004 Chung cư Bình Ph, đường số 32, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2019, bản tự khai ngày 12/6/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Thúy A trình bày:

Bà và ông D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2013 thì bà và ông D mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân cấp ngày 06/3/2013.

Sau khi kết hôn, bà và ông D về sống cùng gia đình chồng tại địa chỉ số 004 Chung cư Bình Phú, đường số 32, Phường 10, Quận 6. Thời gian đầu vợ chồng hạnh

phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau nên thường xuyên cải vã và ông D cũng không lo làm ăn, tụ tập ăn chơi, sử dụng ma túy đá. Dù bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng vẫn không thành. Do vậy, bà và ông D đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Ngọc D.

- Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung tên Lê Quang Đại, sinh ngày: 08/8/2007. Bà yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A tự khai không có.

Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lê Ngọc D đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng nhưng ông D không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2019 và ngày 09/10/2019, ông D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, cho bà A được ly hôn với ông D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: bà A khai không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị Thúy A có đơn xin ly hôn với ông Lê Ngọc D. Tại thời điểm bà A nộp đơn xin ly hôn thì ông D cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Lê Ngọc D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng suốt quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử ông D đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Bà Trần Thị Thúy A và ông Lê Ngọc D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2013 thì bà và ông D mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân cấp ngày 06/3/2013 thì bà A và ông D có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo như lời trình bày của bà A thì trong thời gian sống chung với nhau vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau nên thường xuyên cải vã và ông D cũng không lo làm ăn, tụ tập ăn chơi, sử dụng ma túy đá. Dù bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng vẫn không thành. Do vậy, bà và ông D đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông D đến Tòa để ghi nhận ý kiến và tham gia tố tụng nhưng ông D không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…" nhưng giữa vợ chồng bà A và ông D không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, bà A và ông D đã không còn chung sống từ năm 2015 đến nay, bà A xác định không còn tình cảm với ông D, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tòa án đã nhiều lần triệu tập cả ông D và bà A đến Tòa làm việc, tạo điều kiện để ông bà có thể hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông D không đến Tòa làm việc, điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không quan tâm của ông D đối với việc hàn gắn tình cảm, cùng nhau hòa giải để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà A và ông D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà A được ly hôn với ông D là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà A và ông D có 01 con chung tên Lê Quang Đại, sinh ngày: 08/8/2007. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu được nuôi con chung của bà A phù hợp với nguyện vọng của trẻ. Quá trình giải quyết vụ án ông D không đến Tòa làm việc, không thể hiện ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà A, ông D không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Thị Thúy A nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy A được ly hôn với ông Lê Ngọc D

Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông 1, quận Bình T cấp ngày 06/3/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Quang Đại sinh ngày : 08/8/2007 cho bà Trần Thị Thúy A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Thúy A không yêu cầu ông Lê Ngọc D cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Thúy A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Lê Ngọc D đến thăm nom chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thúy A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Thị Thúy A nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011144 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6. Bà A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thúy A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Ngọc D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục Thi hành án Quận 6;
- UBND phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thụy Bích Ngọc